



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM PHAM MINH DIEM
Last Middle First

Current Address: 563/39 Ng. Dinh. Chien. Q3 - Hochiminh City

Date of Birth: 08.15.1944 Place of Birth: Bac Ninh

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant & ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05-20-75 To 12-24-1980
Years: 05 Months: 07 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Trại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số 001-QLTC, ban hành theo công văn số 2563 ngày 21 tháng 11 năm 1972

000 177 147 812

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 006-BCA/TT ngày 21-5-1981 của Bộ Nội vụ
Thủ tướng nhân văn, quyết định tha cho 22 ngày 9 tháng 12 năm 1980

Họ tên khai sinh: Phạm Minh Diễm
Họ, tên thường gọi: Phạm Minh Diễm

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ NGUYỄN HỮU CƯỜNG VÀ
ĐẠI TƯỚNG LÍNH NGUYỄN HỮU CƯỜNG
Quân Chi

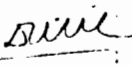
Sinh ngày 15 tháng 8 năm 1944
Nơi sinh: Thủ Đức, Gia Định, Bình
Nơi chấp hành nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt: 563/39 Nguyễn đình Chiếu
Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Cấp tội: PCN
Bị bắt ngày: 20/5/1975
Án phạt: TTCT

Theo quyết định nhân văn số ngày tháng năm của
Đã bị giam án lần, cộng thành năm
Đã được giảm án lần, cộng thành tháng
Nay về cư trú tại: 563/39 Nguyễn đình Chiếu, Quận 3, TP, HCM
Nhận xét quá trình cải tạo

Đã xác định được tội lỗi của bản thân, ăn tâm cải tạo
chưa có biểu hiện gì xấu. Lao động có nhiều cố gắng, đảm
bảo ngày công hoàn thành mức khoán được giao. Học tập theo
giáo dục đầy đủ. Hội quy chưa có gì sai phạm lớn. Đảm trách phê
bình chưa mạnh dạn. Tiếp tục cải tạo trung bình.

Lưu tại ngân quỹ phải
CA: Phạm Minh Diễm
Đánh dấu: 
Lập tại:

Họ, tên chữ ký
người được cấp giấy

Phạm Minh Diễm

Ngày 25 tháng 12 năm 1980
Thiếu tá Phạm Ngọc Bân


VIỆT NAM CỘNG HÒA
QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA
QUÂN ĐOÀN III + QUÂN KHU 3
PHẦN KHU ĐÔ NINH ĐO
ĐẶC KHU 10.
Điện Thoại 60.029

HƯNG-CHỈ - TẠI-NGŨ

(Theo đơn xin)

Số: 099 /CH/DK10/BL

(H Ư N G - T H Ậ T

Họ và tên : PHẠM - SINH - DIỄM
Cấp Bậc : Trung Úy Ngạch : Trữ-Bị
Số Quân : 64 / 156.837
Ngày và nơi sinh : 15 - 8 - 1944 Bắc-Ninh
Tên Cha : Phạm-Sinh-Dục
Tên Mẹ : Nguyễn-Thị-Hậu
Ngày nhập ngũ : 15 - 4 - 1968
Thời gian gián đoạn công vụ : KHÔNG
Hiện đang tại ngũ và phục vụ tại :

Lý do :
Bộ Chỉ-Huy Đặc-Khu 10 Đô-Thành
Đề bố-tức hồ-sơ xin tái động-viên
tại chỗ cho em là PHẠM-SINH-PHƯỚC
sinh ngày 27-11-1953 tại Hải-Phòng.

KBC 6599, ngày 22 tháng 02 năm 1974.

Trung-Tá NGUYỄN-HUU-CO

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Đặc-Khu-Trưởng Đặc Khu 10.,

Mẫu : QĐ. 750
30-4-65.

FROM: Nguyễn Văn Can
204 V. Thới Thới P3
Hố Chí Minh City

PAR AVION



TO: Mrs. KHUÊ MINH THO
PO BOX 5435 Arlington
VA 22205-0535
USA

PAR AVION VIA AIR MAIL